ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1036 /QĐ-UBND	*Quảng Ngãi, ngày 30 tháng 7 năm 2013*

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI
CV ĐẾN Số: 5039
Ngày: 30/7/13
Chuyển:

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Kế hoạch thực hiện Phổ cập giáo dục giai đoạn 2013 - 2015 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14/6/2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 25/11/2009;

Căn cứ Quyết định số 239/QĐ-TTg ngày 09/02/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi giai đoạn 2010 - 2015;

Căn cứ Thông tư số 32/2010/TT-BGDĐT ngày 02/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định điều kiện, tiêu chuẩn, quy trình công nhận phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi;

Căn cứ Thông tư 36/2009/TT-BGDĐT ngày 04/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định kiểm tra, công nhận phổ cập giáo dục tiểu học và phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi;

Căn cứ Quyết định 26/2001/QĐ-BGDĐT ngày 05/7/2001 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn, kiểm tra và đánh giá công nhận phổ cập giáo dục trung học cơ sở;

Căn cứ Quyết định số 306/QĐ-UBND ngày 30/12/2011 của UBND tỉnh về việc Phê duyệt Đề án Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2012 - 2015;

Theo đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo tại các Tờ trình: số 174/SGDĐT-GDTrH ngày 15/5/2013 và số 183/TTr-SGDĐT-GDMN ngày 21/5/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch thực hiện Phổ cập giáo dục giai đoạn 2013 - 2015 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, với các nội dung chính như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Hoàn thành Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; củng cố, duy trì, đảm bảo vững chắc kết quả phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập giáo dục trung học cơ sở của các đơn vị đã đạt chuẩn trên phạm vi toàn tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi

- Củng cố, mở rộng mạng lưới trường lớp, bảo đảm đến năm 2015 có trên 95% số trẻ em 5 tuổi được học 02 buổi/ngày;

- Nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục đối với các lớp mầm non 5 tuổi, giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân và thể thấp còi xuống dưới 8%;

- 100% trẻ tại các cơ sở giáo dục mầm non được học chương trình giáo dục mầm non mới đảm bảo chất lượng, chuẩn bị tốt tâm thế cho trẻ vào học lớp 1;

- Thực hiện đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên mầm non, phấn đấu đến năm 2015 có 60% giáo viên đạt trình độ từ cao đẳng sư phạm mầm non trở lên, có 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp mức độ khá;

- Bổ sung định biên đội ngũ giáo viên mầm non đủ để thực hiện dạy 02 buổi/ngày với tổng số 1.618 giáo viên *(đảm bảo mỗi lớp học bán trú 02 giáo viên, lớp học không bán trú 01 giáo viên)*.

b) Phổ cập giáo dục tiểu học

- Duy trì và giữ vững về chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi;

- Phấn đấu đến năm 2015: Tỉ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1duy trì ở mức từ 99,9% trở lên; tỉ lệ trẻ 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt 96%; tỉ lệ trẻ 11 đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt 99%; giảm tỉ lệ học sinh bỏ học xuống còn 0,01%;

- 100% số xã, phường, thị trấn giữ chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi (184/184 xã, phường, thị trấn);

- 14/14 huyện, thành phố giữ chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi.

c) Phổ cập giáo dục trung học cơ sở

- Duy trì và giữ vững về chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở;

- Phấn đấu đến năm 2015: Tỉ lệ học sinh tốt nghiệp tiểu học vào học lớp 6 duy trì ở mức từ 99,9% trở lên; học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở (2 hệ)

đạt 98,5%; tỉ lệ thanh thiếu niên từ 15 - 18 tuổi tốt nghiệp trung học cơ sở (2 hệ) đạt 92%;

- 100% xã, phường, thị trấn giữ chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục trung học cơ sở;

- Tổng số đơn vị huyện, thành phố đạt chuẩn là 14/14.

III. TIẾN TRÌNH THỰC HIỆN

1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi

- Cấp xã, phường, thị trấn (xã): Năm 2013 có 110 xã/163 xã của 11 huyện, thành phố đạt chuẩn; năm 2014 có 153 xã/184 xã của 14 huyện, thành phố đạt chuẩn; năm 2015 184/184 xã của 14 huyện, thành phố đạt chuẩn phổ cập Giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi.

- Cấp huyện: Kiểm tra công nhận 1/14 huyện, thành phố đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ năm tuổi vào năm 2013; 6 huyện vào năm 2014 và 7 huyện còn lại đạt chuẩn phổ cập vào năm 2015 *(Chi tiết cụ thể tại Phụ lục 1 kèm theo Quyết định này)*.

- Cấp tỉnh: Phấn đấu năm 2015, tỉnh Quảng Ngãi đạt chuẩn phổ cập Giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi.

2. Phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở

- Phổ cập giáo dục tiểu học: Trong Quý IV năm 2013, đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo kiểm tra công nhận lại sau 5 năm theo quy định tại Thông tư số 36/2009/TT-BGDĐT ngày 04/12/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; tiếp tục nâng dần số lượng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi ở mức độ 2.

- Phổ cập trung học cơ sở: Quý IV, năm 2013, đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo kiểm tra công nhận duy trì chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở sau 5 năm theo quy định tại Quyết định 26/2001/QĐ-BGDĐT ngày 05/7/2001 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Giải pháp chung

- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo: UBND cấp huyện có trách nhiệm chỉ đạo các đơn vị trên địa bàn thực hiện việc phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, duy trì kết quả và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học và phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Củng cố, kiện toàn Ban Chỉ đạo phổ cập giáo dục và chống mù chữ xã, phường, thị trấn và Ban Chỉ đạo các huyện, thành phố; nâng cao năng lực hoạt động, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên trong Ban Chỉ đạo và kiểm tra kết quả thực hiện để công tác chống mù chữ và phổ cập giáo dục đạt hiệu quả.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học và phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

- Tiếp tục triển khai thực hiện các văn bản chỉ đạo của các Bộ, ngành Trung ương và địa phương về thực hiện công tác phổ cập mầm non cho trẻ em 5 tuổi, phổ cập tiểu học và trung học cơ sở.

- Thực hiện tốt công tác xã hội hoá giáo dục để công tác phổ cập giáo dục và chống mù chữ được thuận lợi và hiệu quả hơn.

- Quan tâm, có kế hoạch cụ thể giúp các xã khó khăn, vùng sâu, vùng xa đã đạt chuẩn nhưng tỉ lệ còn thấp. Tiếp tục hoàn thiện mạng lưới trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, đặc biệt là các huyện miền núi.

- Cải thiện đời sống vật chất, nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân, giúp cho học sinh có điều kiện học tốt hơn, từ đó hạn chế tối đa việc học sinh bỏ học, đảm bảo duy trì sĩ số của học sinh đang học tại các cơ sở giáo dục.

2. Công tác đầu tư, củng cố các điều kiện để phục vụ phổ cập giáo dục

a) Củng cố, xây dựng đội ngũ

- Ngành giáo dục và đào tạo lập kế hoạch cụ thể và tham mưu cho các cấp uỷ Đảng, chính quyền về công tác phổ cập giáo dục và chống mù chữ trên địa bàn.

- Bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác phổ cập, chú ý bồi dưỡng các cán bộ trẻ, có năng lực và nhiệt tình bên cạnh đội ngũ những người có kinh nghiệm để đảm bảo cho việc thực hiện công tác phổ cập.

- Có chính sách khuyến khích giáo viên tự nguyện gắn bó lâu dài với miền núi, biết vận động, thu hút học sinh đến lớp thông qua bài giảng và các hoạt động giáo dục khác; tạo điều kiện để giáo viên học tiếng dân tộc để góp phần nâng cao chất lượng dạy học cho con em đồng bào dân tộc ít người.

- Xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục mầm non. Tuyển dụng đủ giáo viên cho các cấp học theo đúng quy định hiện hành.

b) Đầu tư tăng cường cơ sở vật chất

- Phát triển và hoàn thiện mạng lưới trường học, củng cố mạng lưới trường nội trú và xây trường bán trú ở các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn tạo điều kiện cho các em đều được đi học theo đúng độ tuổi.

- Xây dựng cơ sở vật chất, đầu tư thiết bị, đảm bảo ngân sách cho các lớp mầm non 5 tuổi, cụ thể:

+ Xây dựng đủ phòng học và các công trình phục vụ bán trú cho các lớp mầm non năm tuổi ở các xã khó khăn và vùng dân tộc, đảm bảo quy mô ít nhất 3 lớp ở trung tâm và các điểm lẻ có phòng học xây dựng kiên cố theo hướng chuẩn hóa.

+ Tổ chức tốt việc giao ban hàng tháng với sự chủ trì của UBND tỉnh để giải quyết kịp thời các vướng mắc trong thủ tục đầu tư xây dựng, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án, xây dựng các công trình phụ trợ nhằm có đủ phòng học 02 buổi/ngày vào năm 2015 theo tiêu chuẩn được quy định tại Điều lệ trường mầm non cho tất cả các lớp 5 tuổi.

+ Đảm bảo mỗi huyện miền núi, hải đảo đều có ít nhất 01 trường mầm non đạt chuẩn quốc gia.

- Đảm bảo đủ thiết bị và đồ chơi để thực hiện chương trình giáo dục mầm non mới, nâng chất lượng giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi:

+ Ưu tiên trang bị bộ thiết bị tối thiểu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo cho các lớp mầm non năm tuổi, tiến tới cung cấp đủ số thiết bị cho nhóm/lớp dưới 5 tuổi để có đủ điều kiện thực hiện Chương trình giáo dục mầm non mới tạo điều kiện phổ cập mầm non cho trẻ 5 tuổi một cách bền vững.

+ Cung cấp bộ thiết bị phần mềm trò chơi làm quen với vi tính cho các trường, lớp có điều kiện.

+ Đến năm 2015 có khoảng 70 % số trường có bộ đồ chơi ngoài trời theo đúng quy định tại Quyết định số 3141/QĐ-BGDĐT ngày 30/7/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Bảo đảm ngân sách chi thường xuyên cho hoạt động chăm sóc, giáo dục mầm non 5 tuổi:

+ Nhà nước từng bước nâng định mức chi thường xuyên cho trẻ 5 tuổi hàng năm, đảm bảo khoảng 20% ngân sách giáo dục mầm non được chi cho hoạt động chuyên môn;

+ Tại các xã khó khăn, vùng dân tộc, vùng sâu, vùng xa, các nơi thực hiện Chương trình hỗ trợ giảm nghèo của Chính phủ thì trẻ 5 tuổi được học trường công lập và đảm bảo 100% kinh phí từ ngân sách để chi thường xuyên, bố trí đủ giáo viên để nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ;

+ Các trường mầm non công lập tự chủ một phần kinh phí hoạt động và bảo đảm 75 - 80% kinh phí từ ngân sách để chi thường xuyên. Phần còn lại được huy động sự đóng góp của cha mẹ trẻ;

+ Thực hiện đầy đủ, kịp thời chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ; hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em năm tuổi ở các cơ sở giáo dục mầm non theo

quy định tại Thông tư số 29/2011/TTLT-BGDĐT-BTC ngày 15 tháng 7 năm 2011 của Bộ giáo dục - Đào tạo và Bộ Tài chính.

c) Xây dựng, hoàn chỉnh và triển khai cơ chế, chính sách

- Triển khai thực hiện Thông tư liên tịch số 09/2013/TTLT-BGDĐT-BTC-BNV ngày 11/3/2013 của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Tài chính và Nội vụ Hướng dẫn thực hiện chi hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo và chính sách đối với giáo viên mầm non theo quy định tại Quyết định số 60/2011/QĐ -TTg ngày 26/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ quy định một số chính sách phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2011 - 2015.

- Đổi mới, hoàn thiện chính sách theo hướng ưu đãi đối với giáo viên, nhất là với những giáo viên công tác tại những vùng đặc biệt khó khăn, giáo viên giỏi được phân công tăng cường cho vùng sâu, vùng xa, vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số; tạo động lực cho giáo viên ngày càng yêu nghề và yên tâm phấn đấu vì sự nghiệp giáo dục; xây dựng chính sách ưu đãi đối với những giáo viên dạy ở các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, nhất là những giáo viên có khả năng vừa dạy lý thuyết, vừa dạy thực hành.

- Huy động mọi nguồn lực trong xã hội để phát triển mạng lưới trường lớp, nâng cấp cơ sở vật chất, bổ sung đồ dùng thiết bị dạy học theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, phục vụ thiết thực công tác phổ cập giáo dục. Thực hiện tốt chương trình đổi mới cơ chế hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, đẩy mạnh xã hội hóa một số loại hình dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo nghề; đồng thời tăng đầu tư từ ngân sách nhà nước cho công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục.

3. Công tác điều tra, lập hồ sơ

- Tổ chức tập huấn nghiệp vụ về công tác phổ cập giáo dục và chống mù chữ cho đội ngũ giáo viên làm công tác phổ cập giáo dục tại các trường.

- Ban chỉ đạo phổ cập giáo dục và chống mù chữ các huyện, thành phố tổ chức điều tra 100% số hộ trên địa bàn, tổng hợp kết quả điều tra, cập nhật kịp thời, chính xác số liệu đối tượng điều tra vào các loại sổ phổ cập theo quy định; tổ chức kiểm tra, rà soát độ tin cậy và tính chính xác của số liệu trong các hồ sơ phổ cập.

4. Công tác kiểm tra, đánh giá

- Ban Chỉ đạo phổ cập giáo dục và chống mù chữ các huyện, thành phố đẩy mạnh công tác tự kiểm tra, đánh giá các tiêu chuẩn phổ cập giáo dục mầm non 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học và phổ cập giáo dục trung học cơ sở và định kì báo cáo kết quả triển khai thực hiện và kết quả phổ cập về cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo (Sở Giáo dục và Đào tạo). Tổng hợp số liệu, báo cáo kết quả tự kiểm tra công nhận phổ cập giáo dục mầm non 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học và phổ cập giáo dục trung học cơ sở về Ban Chỉ đạo phổ cập

giáo dục và chống mù chữ tỉnh. Đồng thời lập tờ trình báo cáo về cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo đề nghị kiểm tra công nhận.

- Ban Chỉ đạo giáo dục phổ cập và chống mù chữ tỉnh thường xuyên theo dõi, đôn đốc việc thực hiện của các huyện, thành phố. Uỷ quyền cho cơ quan Thường trực của Ban Chỉ đạo phổ cập giáo dục và chống mù chữ tỉnh (Sở Giáo dục và Đào tạo) kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất tại các cơ sở giáo dục để nắm tình hình, nhắc nhở các đơn vị thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục và chống mù chữ trên địa bàn tỉnh. Hàng năm, Ban Chỉ đạo Phổ cập giáo dục và chống mù chữ tỉnh đi kiểm tra và công nhận kết quả phổ cập tại các địa phương theo tham mưu của cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí làm việc Ban Chỉ đạo

Kinh phí làm việc cho Ban Chỉ đạo phổ cập giáo dục và chống mù chữ tỉnh lấy từ nguồn kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia giáo dục và đào tạo (Dự án hỗ trợ phổ cập mầm non cho trẻ em 5 tuổi, xoá mù chữ, duy trì kết quả phổ cập Giáo dục tiểu học, thực hiện phổ cập trung học cơ sở đúng độ tuổi và hỗ trợ phổ cập giáo dục trung học phổ thông).

2. Kinh phí thực hiện phổ cập giáo dục mầm non 5 tuổi

Kinh phí thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi giai đoạn 2013 - 2015 là 367.656 triệu đồng, cụ thể thông qua các dự án sau:

a) Dự án 1: Xây dựng phòng học, phòng chức năng và trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia theo điều lệ trường mầm non, với tổng kinh phí: 255.571 triệu đồng, cụ thể:

- Xây dựng phòng học:

+ Xây dựng 299 phòng/13 đơn vị, trong đó số phòng thiếu 260 phòng, số phòng chưa đạt yêu cầu 39 phòng (đơn vị thành phố Quảng Ngãi). Trong năm 2013 các đơn vị đã có chủ trương và đang triển khai xây dựng 23 phòng.

+ Kế hoạch đầu tư xây dựng 276 phòng học kiên cố và bán kiên cố để đạt tỷ lệ 1 lớp/1 phòng học; mức chi phí đầu tư xây dựng bình quân một phòng học có diện tích 110 m^2; tổng kinh phí 106.260 triệu đồng.

- Xây dựng khối phòng chức năng

Đầu tư xây dựng 35.495m^2 cho các công trình phụ trợ khối phòng chức năng, tổng kinh phí là 124.231 triệu đồng.

- Xây dựng 6 trường mầm non đạt chuẩn quốc gia cho 6 xã tại 6 huyện miền núi, với tổng kinh phí là 25.080 triệu đồng.

b) Dự án 2: Mua sắm trang thiết bị đồ dùng, đồ chơi trong lớp và ngoài trời, với tổng kinh phí 71.210 triệu đồng, cụ thể:

- Mua sắm trang thiết bị đồ dùng, đồ chơi theo yêu cầu tối thiểu 367 bộ cho 367 phòng học chưa được cấp, dự kiến tổng số tiền là: 7.340 triệu đồng.

- Mua sắm 667 bộ thiết bị nội thất dùng chung cho các lớp mầm non 5 tuổi thực hiện chương trình giáo dục mầm non mới, dự kiến tổng số tiền: 13.340 triệu đồng.

- Bổ sung trang bị 602 bộ đồ chơi ngoài trời cho 209 trường mầm non, mẫu giáo (tại các điểm có đủ điều kiện) dự kiến 42.140 triệu đồng.

- Mua 839 bộ thiết bị cho trẻ em làm quen với ngoại ngữ, tin học phục vụ thực hiện Đề án phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi: 8.390 triệu đồng.

c) Dự án 3: Đào tạo nâng chuẩn cho 304 giáo viên và hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em mầm non khó khăn là 40.875 triệu đồng, cụ thể:

- Đào tạo nâng chuẩn cho 304 giáo viên, tổng kinh phí là 5.472 triệu đồng

- Chi trợ cấp cho trẻ em mầm non 5 tuổi có cha mẹ thường trú tại các xã biên giới, núi cao, hải đảo và các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; trẻ mồ côi cả cha lẫn mẹ không có nơi nương tựa hoặc bị tàn tật, khuyết tật có khó khăn về kinh tế; cha mẹ thuộc diện nghèo theo quy định của nhà nước. Múc trợ cấp 120.000/cháu/tháng (một năm học 9 tháng). Khoảng 32.782 cháu, tổng số tiền trợ cấp từ năm 2013 - 2015 khoảng 35.404,560 triệu đồng.

3. Cơ cấu nguồn kinh phí

- Ngân sách Nhà nước hàng năm: 160.278 triệu đồng (trong đó: Ngân sách chi đầu tư phát triển: 140.564 triệu đồng (Vốn trái phiếu Chính phủ, ngân sách tỉnh, ngân sách huyện); Ngân sách chi thường xuyên (ngân sách tỉnh, ngân sách huyện): 19.714 triệu đồng).

- Nguồn ngân sách khác: 45.457 triệu đồng (xã hội hóa, học phí).

- Ngân sách nhà nước bổ sung: 161.921 triệu đồng (Ngân sách Trung ương, Chương trình mục tiêu Quốc gia, vốn ODA).

(Chi tiết cụ thể tại Phụ lục 2 kèm theo Quyết định này)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ban Chỉ đạo Phổ cập giáo dục và chống mù chữ tỉnh chỉ đạo việc tổ chức thực hiện Kế hoạch phổ cập giáo dục giai đoạn 2013 - 2015 trên địa bàn tỉnh. Tổ chức quán triệt và triển khai kế hoạch đến các sở, ban ngành và các hội đoàn thể, các địa phương.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo *(cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo)* chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức thực hiện. Đồng thời,

phối hợp với các sở, ngành có liên quan và UBND các huyện, thành phố hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch đạt kết quả; hàng năm, xây dựng kế hoạch, tổng hợp số liệu, hoàn chỉnh các báo cáo cũng như các vấn đề có liên quan khác phục vụ cho công tác phổ cập giáo dục và chống mù chữ; chỉ đạo, hướng dẫn UBND các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch chi tiết, cụ thể để triển khai thực hiện tại các địa phương.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính ban hành văn bản hướng dẫn quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục giai đoạn 2013 - 2015; tham mưu cho UBND tỉnh ban hành Quyết định Quy định về mức chi cho công tác phổ cập giáo dục và chống mù chữ thay thế cho Quyết định số 26/2006/QĐ-UBND ngày 15/5/2006 của UBND tỉnh ban hành Quy định về mức chi cho công tác phổ cập giáo dục trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư xây dựng kế hoạch và danh mục đầu tư xây dựng cơ sở vật chất hàng năm.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng xây dựng chương trình, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng giáo viên đáp ứng yêu cầu phổ cập. Rà soát, bổ sung, hoàn chỉnh các văn bản quy phạm pháp luật, tạo cơ sở pháp lý để thực hiện công tác phổ cập giáo dục.

- Tổ chức thực hiện kế hoạch; tổ chức kiểm tra, đánh giá, tổng hợp kết quả thực hiện kế hoạch, định kỳ báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo và UBND tỉnh.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính

Tham mưu về việc đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho giáo dục; hỗ trợ ngân sách cho giáo dục, kinh phí chương trình mục tiêu, đảm bảo điều kiện để thực hiện phổ cập giáo dục và chống mù chữ trên địa bàn tỉnh.

4. Sở Nội vụ

Tham mưu về biên chế của ngành giáo dục và đào tạo, chủ trì trong việc tuyển mới giáo viên cho các huyện, thành phố trong các năm để đủ số lượng giáo viên.

5. Sở Lao động - Thương binh và xã hội

Tham mưu chế độ trợ cấp mua sách vở và đồ dùng dạy học cho học sinh mồ côi, tàn tật, dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo.

6. Sở Y tế

- Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng và hoàn thiện các chương trình dịch vụ y tế, chăm sóc sức khoẻ, dinh dưỡng lồng ghép trong đào tạo, bồi dưỡng giáo viên mầm non; kiểm tra, giám sát công tác chăm sóc sức khoẻ, dinh dưỡng trong các trường, lớp mầm non năm tuổi theo

các mục tiêu phổ cập; phổ biến kiến thức, kỹ năng và cung cấp dịch vụ chăm sóc, giáo dục tại gia đình.

- Chủ trì phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng chương trình kế hoạch đào tạo nhân viên y tế trường học.

- Triển khai thực hiện các dịch vụ tư vấn chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ em tại gia đình.

7. Sở Tư pháp

Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc ngành Tư pháp trong việc phối hợp với ngành giáo dục và đào tạo triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong việc thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở.

8. Sở Tài nguyên và Môi trường

Hướng dẫn UBND các huyện, thành phố, các đơn vị có liên quan bổ sung, quy hoạch quỹ đất cho phát triển trường học các cấp theo đúng quy định hiện hành.

9. Sở Thông tin và Truyền thông

Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn, chỉ đạo cơ quan truyền thông đại chúng đẩy mạnh các hoạt động truyền thông về công tác phổ cập giáo dục trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi.

10. Ban Dân tộc tỉnh

Tham mưu giải quyết các chế độ chính sách cho đồng bào dân tộc, hỗ trợ học sinh dân tộc, tạo điều kiện cho trẻ em dân tộc.

11. UBND các huyện, thành phố

- Xây dựng chương trình, dự án cụ thể hoá các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp để chỉ đạo, triển khai thực hiện phổ cập giáo dục tại địa phương.

- Tổ chức tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân về chủ trương phổ cập giáo dục giai đoạn 2013 - 2015, xác định trách nhiệm của gia đình, của cộng đồng dân cư trong việc tham gia thực hiện phổ cập giáo dục.

- Kiện toàn Ban Chỉ đạo phổ cập giáo dục - chống mù chữ giai đoạn 2013 - 2015 của địa phương.

- Điều tra, khảo sát trẻ em trong độ tuổi, đưa các mục tiêu phổ cập giáo dục vào chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương hàng năm và kế hoạch 2013 - 2015; chỉ đạo xây dựng theo quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục, kế hoạch xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia; tiếp tục hoàn chỉnh quy hoạch quỹ đất để xây dựng đủ phòng học, bảo đảm thuận tiện cho việc thu hút trẻ em đi học trên địa bàn.

- Chỉ đạo việc thực hiện các chế độ, chính sách về đào tạo, bồi dưỡng, tuyển dụng và các chế độ chính sách khác đối với giáo viên trên địa bàn theo đúng quy định.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá công nhận thực hiện phổ cập giáo dục theo tiêu chuẩn quy định trên địa bàn; duy trì và từng bước nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục.

- Định kỳ hàng năm báo cáo kết quả tiến độ thực hiện về Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Giáo dục và Đào tạo.

12. Đề nghị Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh

Chỉ đạo các cấp hội đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho trẻ em gái về sự cần thiết phải đến lớp. Phối hợp với các ngành nghiên cứu các biện pháp vận động trẻ ra lớp, tổ chức các hình thức học xoá mù chữ phù hợp với các nhóm đối tượng nhất là các vùng khó khăn.

13. Đề nghị Tỉnh Đoàn Quảng Ngãi chủ trì, phối hợp với Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam, Hội Sinh viên Việt Nam vận động trẻ em trong độ tuổi đến lớp; tổ chức phong trào học sinh, sinh viên tình nguyện dạy xoá mù chữ cho người dân ở vùng sâu, vùng xa, trẻ em lang thang đường phố.

14. Hội Khuyến học tỉnh có chính sách khuyến khích, hỗ trợ cho học sinh nghèo; huy động các nguồn kinh phí giúp đỡ học sinh khó khăn tiếp tục đến trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Giáo dục và Đào tạo, Nội vụ, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Y tế, Tài nguyên và Môi trường, Tư pháp, Lao động - Thương binh và Xã hội, Thông tin và Truyền thông, Ban Dân tộc tỉnh; các thành viên Ban Chỉ đạo phổ cập giáo dục tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Tỉnh Đoàn Quảng Ngãi;
- Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh;
- Hội Khuyến học tỉnh;
- VPUB: PCVP(VX), KTTH, CBTH;
- Lưu: VT, VHXH.nk460.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Quang Thích

PHỤ LỤC 1

DANH MỤC CÁC ĐỊA PHƯƠNG ĐẠT CHUẨN PHỔ CẬP GIÁO DỤC MẦM NON CHO TRẺ EM NĂM TUỔI GIAI ĐOẠN 2013 - 2015

(Kèm theo Quyết định số 836/QĐ-UBND ngày 30 /7/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	ĐƠN VỊ	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
1	Thành phố Quảng Ngãi		x	
2	Huyện Sơn Tây			x
3	Huyện Sơn Hà	x		
4	Huyện Mộ Đức		x	
5	Huyện Nghĩa Hành		x	
6	Huyện Sơn Tịnh		x	
7	Huyện Trà Bồng		x	
8	Huyện Lý Sơn		x	
9	Huyện Tư Nghĩa			x
10	Huyện Bình Sơn			x
11	Huyện Đức Phổ			x
12	Huyện Ba Tơ			x
13	Huyện Tây Trà			x
14	Huyện Minh Long			x
Tổng cộng		**1**	**6**	**7**

PHỤ LỤC 2

(Kèm theo Quyết định 30/36 /QĐ-UBND ngày 30 /7/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Nội dung	Giai đoạn 2013 - 2015	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
Tổng cộng	**367.656**	**107.450**	**122.835**	**137.371**
1. Ngân sách nhà nước hàng năm	**160.278**	**49.401**	**51.562**	**59.315**
a) Ngân sách chi đầu tư phát triển	140.564	43.783	45.060	51.721
- Vốn trái phiếu Chính phủ (danh mục được duyệt)	53.670	16.717	17.205	19.748
- Ngân sách huyện chi xây dựng cơ bản (30% theo QĐ31)	23.001	7.164	7.374	8.463
- Ngân sách thường xuyên cho xây dựng cơ bản	63.893	19.901	20.482	23.510
- Ngân sách huyện, thành phố	60.909	20.303	20.303	20.303
b) Ngân sách chi thường xuyên	19.714	5.618	6.502	7.594
- Ngân sách tỉnh chi thường xuyên	5.472	2.736	900	1.836
- Ngân sách huyện chi thường xuyên	14.242	2.882	5.602	5.758
2.Nguồn ngân sách khác	**45.457**	**13.382**	**15.090**	**16.985**
a) Vốn xã hội hóa	38.336	11.941	12.289	14.106
b) Học phí công lập	4.273	865	1.681	1.727
c) Học phí trường ngoài công lập	2.136	432	840	864
d) Tài trợ cộng đồng	712	144	280	288
3. Ngân sách nhà nước bổ sung	**161.921**	**44.668**	**56.182**	**61.071**
a) Ngân sách trung ương cấp bổ sung	35.403	10.699	11.997	12.707
b) Chương trình Mục tiêu Quốc gia giai đoạn 2013-2015	113.740	29.988	40.089	43.663
c) Dự án ODA	12.779	3.980	4.096	4.702

PHỤ LỤC 3

KẾ HOẠCH XÂY DỰNG PHÒNG HỌC, PHÒNG CHỨC NĂNG VÀ TRƯỜNG MẦM NON ĐẠT CHUẨN GIAI ĐOẠN 2013-2015

(Kèm theo Quyết định số 1636 /QĐ-UBND ngày 20/ 7/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Đơn vị	Xây dựng thêm phòng học mới (ĐVT: Phòng)				Xây dựng khối phòng chức năng (ĐVT: m^2)				Xây dựng trường đạt chuẩn (Trường)			Tổng kinh phí (tỷ đồng)
		Tổng số	2013	2014	2015	Tổng số	2013	2014	2015	2013	2014	2015	
1	Thành phố Quảng Ngãi	**37**	37	0	0	3.060	300	950	1.810	0	0	0	**24,955**
2	Huyện Tư nghĩa	**19**	6	7	6	6.507	1.447	2.510	2.550	0	0	0	**30,090**
3	Huyện Mộ Đức	**17**	9	8	0	3.944	1.115	1.168	1.661	0	0	0	**20,349**
4	Huyện Đức phổ	**16**	4	6	6	4.553	1.491	1.262	1.800	0	0	0	**22,095**
5	Huyện Nghĩa Hành	**2**	2	0	0	1.874	950	364	560	0	0	0	**7,329**
6	Huyện Sơn Tịnh	**14**	7	7	0	1.920	480	480	960	0	0	0	**12,110**
7	Huyện Bình Sơn	**34**	4	15	15	4.623	716	1.343	2.564	0	0	0	**29,271**
8	Huyện Minh Long	**17**	5	5	7	750	150	150	450	0	1	0	**12,503**
9	Huyện Sơn Hà	**11**	11	0	0	730	116	312	302	0	0	1	**11,790**
10	Huyện Sơn Tây	**31**	7	12	12	2.552	840	312	1.400	0	1	0	**24,200**
11	Huyện Tây Trà	**11**	3	4	4	1.294	228	304	762	1	0	0	**13,844**
12	Huyện Ba Tơ	**56**	16	20	20	1.020	250	300	470	0	1	0	**28,463**
13	Huyện Trà Bồng	**11**	5	6	0	2.000	450	950	600	0	0	1	**16,235**
14	Huyện Lý Sơn	**0**	0	0	0	668	-	246	422	0	0	0	**2,338**
	Cộng	**276**	**116**	**90**	**70**	**35.495**	**8.533**	**10.651**	**16.311**	**1**	**3**	**2**	**255,571**

PHỤ LỤC 4

KẾ HOẠCH PHỔ CẬP GIÁO DỤC MẦM NON CHO TRẺ EM NĂM TUỔI GIAI ĐOẠN 2013 - 2015

(Kèm theo Quyết định số [illegible] QĐ-UBND ngày 30 /7/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Nội dung công việc	Thời gian	Sản phẩm	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
Năm 2013					
1	Hướng dẫn công tác mua sắm, sử dụng thiết bị, đồ dùng đồ chơi cho trường mầm non hàng năm	Trong năm	Công văn hướng dẫn mua sắm của Bộ, của Sở Giáo dục và Đào tạo, kế hoạch mua sắm.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư
2	Thực hiện xây dựng 116 phòng học, 8.533 m2 phòng chức năng; 1 trường mầm non miền núi đạt chuẩn quốc gia; mua sắm 367 bộ thiết bị, 112 bộ nội thất cho một lớp học, mua 58 bộ đồ chơi ngoài trời, 77 bộ làm quen ngoại ngữ-tin học; cấp chế độ ăn trưa cho trẻ em năm tuổi khó khăn; bắt đầu đào tạo nâng chuẩn cho 304 giáo viên	Trong năm	Xây dựng và mua sắm hoàn thành 116 phòng học, 8.533 m2 phòng chức năng; 1 trường mầm non miền núi đạt chuẩn quốc gia; mua sắm 367 bộ thiết bị, 112 bộ nội thất cho một lớp học, mua 58 bộ đồ chơi ngoài trời, 77 bộ làm quen ngoại ngữ-tin học; 304 giáo viên tiếp tục đi học cấp chế độ cho đủ số trẻ năm tuổi khó khăn.	Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư; UBND các huyện, thành phố	Trường Đại học Phạm Văn Đồng
3	Tuyên truyền về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi	Trong năm	Văn bản, truyền thông	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh; Báo Quảng Ngãi, UBND các huyện, thành phố

4	- Họp Ban chỉ đạo Phổ cập giáo dục, chống mù chữ toàn tỉnh triển khai kế hoạch thực hiện Quyết định 306/QĐ-UBND giai đoạn 2013-2015; chuẩn bị nội dung sơ kết 3 năm thực hiện Quyết định 239/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, 1 năm thực hiện Quyết định 306/QĐ-UBND của UBND tỉnh	8/2013	- Văn bản kế hoạch, Kế hoach triển khai thực hiện Quyết định 306/QĐ-UBND của UBND tỉnh.	- Ban Chỉ đạo đạo Phổ cập giáo dục, chống mù chữ cấp tỉnh.	Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND, Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thành phố.
5	Hội nghị sơ kết 1 năm thực hiện Quyết định 306/QĐ-UBND của UBND Tỉnh, 3 năm thực hiện Quyết định 239/QĐ-TTg của Thủ Tướng Chính phủ và triển khai Kế hoạch thực hiện QĐ 306/QĐ-UBND của UBND tỉnh giai đoạn 2013-2015	8/2013	- Văn bản báo cáo sơ kết và kế hoạch	Sở Giáo dục và Đào tạo	
6	Điều tra trẻ, khảo sát đội ngũ, cơ sở vật chất tổng hợp báo cáo về Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp	Tháng 8 - 9 hàng năm	4 biểu mẫu quy định của Bộ Về trẻ, đội ngũ, CSVC và tài chính của xã, huyện	Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thành phố	
7	- Kiểm tra năm tình hình thực hiện công tác Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi ở các đơn vị: + Bình Sơn, Sơn Tây, Nghĩa Hành, Tây Trà, Minh Long + Trà Bồng, Sơn Tịnh, Mộ Đức, Đức Phổ, Ba Tơ,	9/2013 10/2013	- Hướng dẫn bổ sung hoàn thiện hồ sơ, các công tác khác đúng quy định của Bộ.	- Tổ giúp việc cho Ban chỉ đạo Phổ cập giáo dục, chống mù chữ của tỉnh	
8	- Tổng hợp số liệu phổ cập toàn tỉnh, đánh giá tình hình thực hiện Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi	Tháng 10/2013	4 biểu mẫu quy định của Bộ về trẻ, đội ngũ, CSVC và tài chính của tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	

9	- Dự Hội nghị đánh giá thực hiện hàng năm; hội nghị sơ kết giai đoạn 1 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.	Theo triệu tập		Thành phần theo triệu tập của Bộ Giáo dục và Đào tạo.	
Năm 2014					
1	- Hướng dẫn công tác mua sắm, sử dụng thiết bị, đồ dùng đồ chơi cho trường mầm non hàng năm	Trong năm	- Công văn hướng dẫn mua sắm của Bộ, của Sở Giáo dục và Đào tạo, kế hoạch mua sắm (theo Đề án)	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư
2	Tuyên truyền về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi	Trong năm	Văn bản, truyền thông	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh; Báo Quảng Ngãi, UBND các huyện, thành phố
3	Thực hiện xây dựng 90 phòng học, 10.651 m2 phòng chức năng, 3 trường mầm non miền núi đạt chuẩn quốc gia; mua sắm 300 bộ nội thất, mua 260 bộ đồ chơi ngoài trời, 381 bộ làm quen ngoại ngữ-tin học. Tiếp tục bồi dưỡng nâng chuẩn cho 304 giáo viên; cấp chế độ ăn trưa cho trẻ em năm tuổi khó khăn.	Trong năm	- Xây dựng, mua sắm hoàn thành giao cho cơ sở: 90 phòng học, 10.651m2 phòng chức năng, 3 trường mầm non miền núi đạt chuẩn quốc gia; mua sắm 300 bộ nội thất, 260 bộ đồ chơi ngoài trời, 381 bộ làm quen ngoại ngữ-tin học; 304 giáo viên tiếp tục đi học; cấp chế độ ăn trưa cho trẻ em 5 tuổi khó khăn.	Sở Tài chính, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Kế hoạch - Đầu tư; UBND các huyện, thành phố	- Trường Đại học Phạm Văn Đồng
4	- Hội nghị sơ kết giai đoạn 1 của tỉnh	Tháng 01	- Báo cáo đánh giá, điều chỉnh kế hoạch	Ban Chỉ đạo Phổ cập giáo dục tỉnh	
5	- Kiểm tra công nhận 6 huyện: Sơn Hà, Nghĩa Hành, Mộ Đức, Sơn Tịnh, Trà Bồng, Lý Sơn và thành phố Quảng Ngãi hoàn thành Phổ cập giáo dục mầm non	Tháng 5	Biên bản họp với địa phương, báo cáo đánh giá, quyết định công nhận	Ban chỉ đạo Phổ cập giáo dục, chống mù chữ của tỉnh;Tổ giúp việc	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện, thành phố

	cho trẻ em năm tuổi - Hướng dẫn, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện phổ cập giáo dục mầm non năm tuổi năm học 2013-2014		Hướng dẫn	cho Ban chỉ đạo	
6	Họp Ban Chỉ đạo và Tổ chuyên viên giúp việc cho Ban Chỉ đạo Phổ cập giáo dục và Chống mù chữ cấp tỉnh	Tháng 6		Ban Chỉ đạo Phổ cập giáo dục, chống mù chữ của tỉnh;Tổ giúp việc cho Ban chỉ đạo	
7	Điều tra trẻ, khảo sát đội ngũ, cơ sở vật chất tổng hợp báo cáo về Sở Giáo dục và Đào tạo	Tháng 8-9	4 biểu mẫu quy định của Bộ về trẻ, đội ngũ, CSVC và tài chính của xã, huyện	Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, Thành phố (chỉ đạo các đơn vị cơ sở thực hiện và tổng hợp gửi Sở Giáo dục và Đào tạo)	
8	Tổng hợp số liệu toàn tỉnh, đánh giá tình hình thực hiện Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi	Tháng 10	4 biểu mẫu quy định của Bộ về trẻ, đội ngũ CSVC và tài chính của tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	
Năm 2015					
1	- Hướng dẫn công tác mua sắm, sử dụng thiết bị, đồ dùng đồ chơi cho trường mầm non hàng năm	Trong năm	- Công văn hướng dẫn mua sắm của Bộ, của Sở Giáo dục và Đào tạo, kế hoạch mua sắm	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư
2	Tuyên truyền về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi	Trong năm	Văn bản, truyền thông	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh; Báo Quảng Ngãi, UBND các huyện, thành phố
3	Thực hiện xây dựng 70 phòng học, 16.311 m2 phòng chức năng, 2 trường	Trong năm	- Xây dựng, mua sắm hoàn thành giao cho cơ sở. 70 phòng học,	Sở Tài chính, Sở Giáo dục và Đào	- Trường Đại học Phạm Văn Đồng

	MN miền núi đạt CQG; mua sắm 255 bộ nội thất cho một lớp học, mua 284 bộ đồ chơi ngoài trời, 381 bộ làm quen ngoại ngữ-tin học. Tiếp tục bồi dưỡng nâng chuẩn hoàn thành cho 304 giáo viên; cấp chế độ ăn trưa cho trẻ em năm tuổi khó khăn.		16.311 m2 phòng chức năng, 2 trường MN miền núi đạt CQG; mua sắm 255 bộ nội thất cho một lớp học, mua 284 bộ đồ chơi ngoài trời, 381 bộ làm quen ngoại ngữ-tin học; 304 giáo viên tiếp tục đi học; cấp chế độ cho đủ số trẻ năm tuổi khó khăn.	tạo, Sở Kế hoạch - Đầu tư; UBND các huyện, Thành phố	
4	Hội nghị đánh giá thực hiện công tác Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi hàng năm của tỉnh	Tháng 01	Báo cáo đánh giá, điều chỉnh kế hoạch	Ban Chỉ đạo Phổ cập giáo dục, chống mù chữ của tỉnh;	
5	- Kiểm tra công nhận 7 huyện còn lại: Tư Nghĩa, Đức Phổ, Bình Sơn, Sơn Tây, Tây Trà, Minh Long và Ba Tơ hoàn thành phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi - Hướng dẫn, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện phổ cập giáo dục mầm non năm tuổi năm học 2014-2015	Tháng 5	- Biên bản họp với địa phương, báo cáo đánh giá, quyết định công nhận - Hướng dẫn báo cáo	Ban chỉ đạo Phổ cập giáo dục, chống mù chữ của tỉnh;Tổ giúp việc cho Ban chỉ đạo	
6	Họp Ban Chỉ đạo và Tổ chuyên viên giúp việc cho Ban Chỉ đạo Phổ cập giáo dục và Chống mù chữ cấp tỉnh	Tháng 6		Ban chỉ đạo Phổ cập giáo dục, chống mù chữ của tỉnh;Tổ giúp việc cho Ban chỉ đạo	
7	Đón Bộ Giáo dục và Đào tạo về kiểm tra công nhận tỉnh Quảng Ngãi hoàn thành PCGDMN cho trẻ em năm tuổi.	Tháng 6		UBND tỉnh; Ban Chỉ đạo; Tổ giúp việc	UBND các huyện, thành phố
8	Điều tra trẻ, khảo sát đội ngũ, cơ sở vật chất tổng hợp báo cáo về Sở Giáo dục và	Tháng 8 - 9	4 biểu mẫu quy định của Bộ về trẻ, đội ngũ, CSVC và tài chính	- Sở Giáo dục và Đào tạo	

	Đào tạo		của xã, huyện	- Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thành phố	
9	Tổng hợp số liệu toàn tỉnh, đánh giá tình hình thực hiện Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi	Tháng 10	4 biểu mẫu quy định của Bộ về trẻ, đội ngũ, CSVC và tài chính của tỉnh	Sở GD và Đào tạo	
10	Dự Hội nghị tổng kết công tác Phổ cập 6 năm của Bộ	Theo triệu tập		Theo triệu tập của Bộ Giáo dục và Đào tạo	